

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 9610 /UBND-VX
V/v tiếp tục triển khai thực hiện phổ cập
giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5
tuổi theo Nghị định số 277/2025/NĐ-CP
ngày 20/10/2026 của Chính phủ

Nghệ An, ngày 31 tháng 7 năm 2026

Kính gửi:

- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- UBND các xã, phường.

Ủy ban nhân dân tỉnh nhận được Công văn số 4642/BGDĐT-GDMN ngày 21/7/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tiếp tục triển khai thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi theo Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025 của Chính phủ (*Văn bản kèm theo*).

Phó Chủ tịch UBND tỉnh Thái Văn Thành giao:

Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các xã, phường căn cứ chức năng, nhiệm vụ tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung theo chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Văn bản nêu trên và Công văn số 6135/UBND-VX ngày 01/6/2026, Kế hoạch số 410/KH-UBND ngày 21/5/2026 của UBND tỉnh đảm bảo hiệu quả, đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT VX UBND tỉnh;
- CVP, PCVP VX UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (TP, P).

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Hồ Đức Tuấn

Số: 4642 /BGDDĐT-GDMN

Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2026

V/v tiếp tục triển khai thực hiện
phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ
em từ 3 đến 5 tuổi theo Nghị định số
277/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025
của Chính phủ

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố

Thực hiện Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi và Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 218/2025/QH15, thời gian qua các địa phương đã chủ động xây dựng kế hoạch, bố trí nguồn lực và triển khai nhiều giải pháp thực hiện phổ cập giáo dục mầm non theo lộ trình đã đăng ký với Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Để bảo đảm hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi đến năm 2030, Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố tập trung chỉ đạo những nội dung sau:

1. Thực hiện đúng lộ trình đã cam kết

Chỉ đạo các sở, ngành, địa phương rà soát toàn bộ các tiêu chí, điều kiện phổ cập; xây dựng kế hoạch thực hiện hằng năm gắn với lộ trình đã đăng ký (*theo Phụ lục đính kèm*); phân công rõ trách nhiệm, tiến độ và kết quả thực hiện đối với từng cơ quan, đơn vị.

Theo dõi sát sao, đánh giá định kỳ tiến độ triển khai để chủ động điều chỉnh kế hoạch linh hoạt theo tình hình thực tế. Đối với các địa phương đăng ký hoàn thành trong giai đoạn 2026-2028, tập trung chỉ đạo quyết liệt để hoàn thành đúng tiến độ; đối với các địa phương đã cơ bản đáp ứng điều kiện, chủ động hoàn thiện các tiêu chí còn thiếu để đề nghị kiểm tra, công nhận sớm hơn lộ trình đã đăng ký.

2. Đảm bảo các điều kiện thực hiện phổ cập

Chỉ đạo rà soát, xác định đầy đủ nhu cầu về nguồn lực để hoàn thành các tiêu chí phổ cập giáo dục mầm non theo lộ trình của địa phương; ưu tiên cân đối, bố trí ngân sách địa phương, lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia¹, chương trình, đề án, dự án và các nguồn lực hợp pháp khác để triển khai thực hiện.

Tập trung đầu tư đối với các địa bàn còn nhiều khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, khu công nghiệp, khu chế xuất, địa bàn có tốc độ gia

¹ Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 và Quyết định số 1888/QĐ-BGDDĐT ngày 30/6/2026 của Bộ GDĐT về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030.

tăng dân số cơ học cao; đồng thời rà soát, sắp xếp, bố trí, tuyển dụng đối với các nơi còn thiếu giáo viên; thực hiện đầy đủ các chính sách đối với trẻ em, giáo viên và cơ sở giáo dục mầm non theo quy định.

Triển khai đồng bộ các giải pháp huy động trẻ em từ 3 đến 5 tuổi đến trường; nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục theo Chương trình giáo dục mầm non; chủ động hoàn thiện các cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương nhằm huy động thêm nguồn lực xã hội cho phát triển giáo dục mầm non.

3. Tăng cường kiểm tra, giám sát

Chú trọng công tác cập nhật, chuẩn hóa và quản lý chặt chẽ hệ thống dữ liệu phổ cập; định kỳ tổ chức kiểm tra, đánh giá cụ thể mức độ hoàn thành các chỉ tiêu và xây dựng phương án khắc phục ngay đối với các tiêu chí chưa đạt. Cấp cơ sở cần chủ động giải quyết triệt để các vướng mắc phát sinh trong thẩm quyền để không làm gián đoạn tiến độ chung.

Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động trẻ em đến trường, huy động các nguồn lực hợp pháp và giám sát việc thực hiện chính sách.

Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố về tiến độ và kết quả thực hiện; kết quả phổ cập giáo dục mầm non là một trong những căn cứ để đánh giá việc thực hiện các mục tiêu phát triển giáo dục của địa phương.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố quan tâm chỉ đạo quyết liệt; đây là một trong những căn cứ để tổng hợp, báo cáo Chính phủ về việc thực hiện Nghị quyết số 218/2025/QH15 và Nghị định số 277/2025/NĐ-CP.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, đề nghị các địa phương kịp thời phản ánh về Bộ Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, phối hợp với các bộ, ngành liên quan báo cáo Chính phủ xem xét, giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Tỉnh ủy, Thành ủy (để p/h);
- Sở GDĐT các tỉnh, thành phố (để t/h);
- Lưu: VT, GDMN.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Quyên Thanh

Phụ lục
LỘ TRÌNH ĐĂNG KÍ ĐẠT CHUẨN PHỔ CẬP GIÁO DỤC MẦM NON CHO TRẺ EM TỪ 3 ĐẾN 5 TUỔI
GIẢI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Công văn số /BGDĐT-GDMN ngày / /2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Tỉnh/TP	Cam kết năm hoàn thành					Xã hoàn thành từng năm							
		2026	2027	2028	2029	2030	Tổng xã	2026	2027	2028	2029	2030	Tỷ lệ xã đạt	
													2028	2030
	Toàn quốc	0	1	12	23	34	3321	856	1570	2574	3070	3313	77,5%	99,8%
1	Tỉnh Hưng Yên		1				104	94	104	104	104	104	100%	100%
2	Thành phố Hà Nội			1			126		92	126	126	126	100%	100%
3	Thành phố Huế			1			40		3	24	37	40	60,0%	100%
4	Tỉnh Quảng Ninh			1			54	47	48	50	52	54	92,6%	100%
5	Tỉnh Lào Cai			1			99	17	55	90	99	99	90,9%	100%
6	Tỉnh Thái Nguyên			1			92	58	71	82	92	92	89,1%	100%
7	Tỉnh Phú Thọ			1			148	63	86	137	143	148	92,6%	100%
8	Tỉnh Bắc Ninh			1			99	30	90	96	99	99	97,0%	100%
9	Thành phố Hải Phòng			1			114	43	87	113	114	114	99,1%	100%
10	Tỉnh Ninh Bình			1			129	25	63	123	129	129	95,3%	100%
11	Tỉnh Khánh Hoà			1			65	11	21	65	65	65	100%	100%
12	Thành phố Cần Thơ			1			103		61	93	94	103	90,3%	100%
13	Tỉnh Lạng Sơn				1		65	21	45	57	61	65	87,7%	100%

TT	Tỉnh/TP	Cam kết năm hoàn thành					Xã hoàn thành từng năm							
		2026	2027	2028	2029	2030	Tổng xã	2026	2027	2028	2029	2030	Tỷ lệ xã đạt	
													2028	2030
14	Tỉnh Sơn La				1		75	20	35	55	65	68	73,3%	90,7%
15	Tỉnh Lai Châu				1		38	8	15	27	38	38	71,1%	100%
16	Tỉnh Thanh Hóa				1		166		6	109	165	166	65,7%	100%
17	Tỉnh Hà Tĩnh				1		69	35	52	69	69	69	100%	100%
18	Tỉnh Cao Bằng				1		56	12	20	24	56	56	42,9%	100%
19	Tỉnh Tuyên Quang				1		124	26	54	107	124	124	86,3%	100%
20	Tỉnh Vĩnh Long				1		124	22	47	85	124	124	68,5%	100%
21	Tỉnh Đồng Nai				1		95	34	44	67	83	95	70,5%	100%
22	Tỉnh Đồng Tháp				1		102	28	49	63	102	102	61,8%	100%
23	Tỉnh Cà Mau				1		64	7	16	40	64	64	62,5%	100%
24	Tỉnh Nghệ An					1	130	15	41	102	130	130	78,5%	100%
25	Tỉnh Đắk Lắk					1	102	12	32	72	102	102	70,6%	100%
26	Tỉnh Điện Biên					1	45	5	21	32	38	45	71,1%	100%
27	Tỉnh Quảng Trị					1	78	14	36	53	71	78	67,9%	100%
28	Thành phố Đà Nẵng					1	94		18	67	73	93	71,3%	98,9%
29	Tỉnh Quảng Ngãi					1	96		4	50	64	96	52,1%	100%
30	Tỉnh Gia Lai					1	135	84	96	109	123	135	80,7%	100%
31	Tỉnh Lâm Đồng					1	124	34	45	62	87	124	50,0%	100%

TT	Tỉnh/TP	Cam kết năm hoàn thành					Xã hoàn thành từng năm							
		2026	2027	2028	2029	2030	Tổng xã	2026	2027	2028	2029	2030	Tỷ lệ xã đạt	
													2028	2030
32	Thành phố Hồ Chí Minh					1	168	87	98	123	143	168	73,2%	100%
33	Tỉnh Tây Ninh					1	96	4	13	37	42	96	38,5%	100%
34	Tỉnh An Giang					1	102		2	61	92	102	59,8%	100%
